TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ THỌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 10 - 2022
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc T

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Ngọc L

2. Bà Nguyễn Thị N

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Việt D - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ:* Bà Vũ Thị Thu H - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1999. (Có mặt)
Nơi ĐKHKTT: Tổ 3, KDC P, phường P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.
Chỗ ở hiện nay: Khu 6, xã V, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.
Bị đơn: Anh Vũ Ngọc T - sinh năm 1997. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 3, KDC P, phường P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị kết hôn với anh Vũ Ngọc T vào ngày 03/4/2018 trên cơ sở tự nguyện, được Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng về chung sống tại tổ 3, khu dân cư Phú Hà, phường P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 01 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường bất đồng quan điểm, lối sống không hợp nhau. Đến tháng 10/2019, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở tại khu 6, xã V, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan

tâm đến ai. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Ngọc T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Minh Đ - sinh ngày 30/7/2015. Ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về các quan hệ khác gồm: Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức đều không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vũ Ngọc T không đến Tòa án để trình bày quan điểm mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án nhiều lần nhưng anh T đều không có mặt tại Tòa án để làm việc. Như vậy, anh T đã từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Vì vậy anh T không có bản tự khai trình bày quan điểm do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ có quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

- Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật còn bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điều 51, điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị A. Xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Vũ Ngọc T.

- Về con chung: Xử: Giao cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Vũ Minh Đ - sinh ngày 30/7/2015 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Vũ Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị A.

Anh Vũ Ngọc T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Do anh T vắng mặt không có lời trình bày nên các quan hệ trên cần tách ra khi nào có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Xác định vụ kiện giữa chị Nguyễn Thị A và anh Vũ Ngọc T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại phường P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh T cố tình lẩn trA, từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình mặc dù các văn bản đó Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc. Do đó, anh T không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được. Phiên tòa ngày 26/9/2022, bị đơn anh Vũ Ngọc T đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh Vũ Ngọc T đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Vũ Ngọc T.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị A và anh Vũ Ngọc T tự nguyện Đ ký kết hôn vào ngày 03/4/2018 tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng về chung sống tại tổ 3, khu dân cư Phú Hà, phường P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 01 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống không hợp nhau. Đến tháng 10/2019, mâu thuẫn trở nên trầm trọng, chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở tại khu 6, xã V, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Từ đó đến nay hai bên chấm dứt mọi quan hệ, không ai quan tâm đến ai. Nay chị A xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh T. Qua biên bản xác minh và ý kiến của chính quyền địa phương phường P nơi vợ chồng anh chị chung sống thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và đã sống ly thân từ lâu không ai quan tâm đến ai như vậy đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị A và anh T đã ly thân, chấm dứt quan hệ, không quan tâm đến nhau như vậy chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, khó có thể hàn gắn được. Đặc biệt, quá trình làm việc mặc dù anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, qua đó khẳng định anh T không thiết tha để hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên việc chị A khởi kiện xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của chị A xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Vũ Ngọc T.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Minh Đ - sinh ngày 30/7/2015. Ly hôn, chị A xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh T vắng mặt nên không có

quan điểm về việc nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy: Con chung của chị A và anh T còn nhỏ rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ và anh T không thể hiện quan điểm nên cần xử giao con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật. Chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung, công nợ, công sức:* Chị A trình bày không có nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh T vắng mặt nên không có lời trình bày. Do đó, không biết các quan hệ trên có hay không nên các quan hệ này cần được tách ra khi nào có yêu cầu thì Tòa án xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228; Điều 271; điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56; điều 81; điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Vũ Ngọc T.

2. Về con chung: Xử: Giao cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Vũ Minh Đ, sinh ngày 30/7/2015 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Vũ Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị A.

Anh Vũ Ngọc T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002845 ngày 06/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ. Chị Nguyễn Thị A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND phường P,
.thị xã Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc T